

Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang
Chương: 412

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

*(Kèm theo Quyết định số 756/QĐ- SNN ngày 31/12/2021
của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
<i>I</i>	<i>Số thu phí, lệ phí</i>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư	
<i>II</i>	<i>Chi từ nguồn thu phí được để lại</i>	
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<i>III</i>	<i>Số phí, lệ phí nộp NSNN</i>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.577.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.577.000
<i>1</i>	<i>Chi quản lý hành chính</i>	5.766.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.063.000
	Chi định mức theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND	569.000
	Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương	2.485.000
	Chi các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn	416.000
	Chi tiền công, các khoản đóng góp của hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	282.000
	Chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	81.000
	Chi xăng dầu xe ô tô (02 xe)	200.000
	Chi hỗ trợ sửa xe ô tô cho xe đủ từ 10 năm trở lên (01 xe)	30.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.703.000
1.2.1	<i>Kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn</i>	117.000
1.2.2	<i>Kinh phí tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức người dân về quản lý, sử dụng vật tư nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp theo hướng an toàn thực phẩm</i>	90.000
1.2.3	<i>Kinh phí đặt báo Nông nghiệp Việt Nam và tuyên truyền trên các báo, tạp chí</i>	430.000
1.2.4	<i>Kinh phí thực hiện thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh</i>	142.000
1.2.5	<i>Kinh phí xây dựng, kiểm tra thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh và kiểm tra phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2021-2025</i>	217.000
1.2.6	<i>KP kiểm tra tình hình thực hiện đề án kiên cố hóa kênh mương theo NQ số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh</i>	36.000
1.2.7	<i>Kinh phí biên tập, in ấn tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn triển khai các Chương trình, Kế hoạch, Nghị quyết, Đề án, Chính sách ngành Nông nghiệp và PTNT</i>	140.000
1.2.8	<i>Kinh phí tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trên tờ rơi, báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng</i>	180.000
1.2.9	<i>Kinh phí quản lý công trình khu di tích Bộ Canh Nông</i>	30.000
1.2.10	<i>Kinh phí thu hồi qua công tác thanh tra (30%) theo Thông tư số 327/2016/TT-BTC</i>	165.000
1.2.11	<i>Kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị văn phòng</i>	156.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế	811.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	811.000
2.2.1	<i>Kinh phí Dự án cấp và quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản Tuyên Quang bằng hệ thống tiêu chuẩn OTAS phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, giai đoạn 2021-2025</i>	711.000
2.2.2	<i>Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh</i>	100.000

Ghi chú: Niêm yết trên bảng thông báo 90 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực./.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
------------------	-----------------	--------------------------